

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

**Tên ngành, nghề:** Trồng trọt

**Mã ngành, nghề:** 5620110

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THCS trở lên.

**Thời gian đào tạo:**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình được thiết kế đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, chuyên môn về lĩnh vực trồng trọt đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội hiện nay. Người học hiểu biết và vận dụng được kiến thức chuyên môn kỹ thuật bao gồm: Cây trồng, đất, phân bón, bảo vệ thực vật, ... vào thực tiễn sản xuất một cách bền vững theo hướng an toàn, hiện đại. Người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc trong lĩnh vực trồng trọt, phân bón, kinh doanh, học tiếp lên bậc cao hơn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### \* Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về: Sinh lý thực vật, Đất phân bón, di truyền- chọn tạo giống cây trồng và mối liên hệ giữa cây trồng với các môn học khác có liên quan;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về phân loại, đặc điểm thực vật học và yêu cầu sinh thái của các loại cây trồng nông nghiệp như: Cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực, thực phẩm, cây hoa và cây cảnh,.....;
- Trình bày được kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây trồng phổ biến quan trọng như: Cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực, thực phẩm, cây hoa và cây cảnh,.....;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về côn trùng, bệnh cây và các loại sâu bệnh hại phổ biến quan trọng trên cây trồng.

##### \* Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Thực hiện thành thạo các thao tác làm đất, lên luống, trồng và chăm sóc cây trồng nông nghiệp;

- Thực hiện thành thạo các thao tác xử lý hạt giống, gieo ươm, giâm cành, chiết, ghép cây;

- Biết cách nhận biết triệu chứng sâu bệnh hại cây trồng và áp dụng biện pháp phòng trừ;

- Biết sử dụng thuốc đúng loại, đúng qui cách và sử dụng phun thuốc phòng chống sâu bệnh cho cây trồng;

- Chân đoán sâu bệnh gây hại và triệu chứng thừa/thiếu dinh dưỡng cây trồng.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có phẩm chất đạo đức, tôn trọng pháp luật, ý thức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong công việc, thái độ làm việc tốt;

- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, sáng tạo, luôn cập nhật kiến thức chung cũng như chuyên môn để phù hợp với thực tế sản xuất, xã hội hiện đại;

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường. Ngoài ra còn có khả năng học tập nâng cao trình độ lên các bậc học cao hơn khi tốt nghiệp.

**1.3.Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Cán bộ trung tâm dịch vụ NN, xã;

- Xây dựng mô hình chuyển giao khoa học công nghệ;

- Công nhân tại các doanh nghiệp, HTX, trang trại.....

- Tự tạo việc làm.

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng môn học: 20

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 55 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ.

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1155 giờ.

- Khối lượng lý thuyết: 346 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 1013 giờ; kiểm tra: 51 giờ.

**3. Nội dung chương trình**

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Kiểm tra
<b>I. Các môn học chung</b>		<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>

MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	GDQP&AN	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
<b>II. Các môn học cơ sở, chuyên môn</b>		<b>43</b>	<b>1155</b>	<b>252</b>	<b>865</b>	<b>38</b>
<b>II.1. Các môn học cơ sở</b>		<b>12</b>	<b>180</b>	<b>168</b>	<b>0</b>	<b>12</b>
MH 07	Sinh lý thực vật	3	45	42	0	3
MH 08	Đất- Phân bón	4	60	56	0	4
MH 09	Khí tượng	2	30	28	0	2
MH 10	Bảo vệ thực vật đại cương	3	45	42	0	3
<b>II.2. Các môn học chuyên môn</b>		<b>22</b>	<b>795</b>	<b>0</b>	<b>778</b>	<b>17</b>
MH11	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây công nghiệp	4	120	0	116	4
MH12	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây lương thực, thực phẩm	4	120	0	116	4
MH13	Kỹ thuật trồng, chăm sóc hoa, cây cảnh	3	90	0	87	3
MH14	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dược liệu	2	60	0	58	2
MH15	Thực tập nghề nghiệp	3	135	0	132	3
MH16	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	269	1
<b>II.3. Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>5</b>	<b>120</b>	<b>28</b>	<b>87</b>	<b>5</b>
MH17	Giống cây trồng	2	30	28	0	2
MH18	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả	3	90	0	87	3
<b>II.4. Các môn học tự chọn (chọn một trong ba chuyên ngành sau)</b>		<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
<b>Chuyên ngành: Bảo vệ thực vật</b>						
MH 19	Thuốc bảo vệ thực vật	2	30	28	0	2
MH 20	Động vật hại nông nghiệp	2	30	28	0	2
<b>Chuyên ngành: Trồng trọt -BVTV</b>						
MH 21	Bảo quản chế biến nông sản	2	30	28	0	2
MH 22	Luật TT-BVTV	2	30	28	0	2
<b>Chuyên ngành: Khuyến nông lâm</b>						
MH23	PP ĐT tập huấn khuyến nông	2	30	28	0	2
MH24	Lập KH khuyến nông	2	30	28	0	2
<b>Tổng cộng:</b>		<b>55</b>	<b>1410</b>	<b>346</b>	<b>1013</b>	<b>51</b>

#### 4. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1 12 (7,5)	Học kỳ 2 18 (14, 4)	Học kỳ 3 10 (0,10)	Học kỳ 4 15 (4, 11)
GD Chính trị 2(2,0)	Sinh lý thực vật 3 (3,0)	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả 3(0,3)	Kỹ thuật trồng cây dược liệu 2(0,2)
Pháp luật 1(1,0)	Đất - phân bón 4(4,0)	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây lương thực, thực phẩm 4(0,4)	Môn tự chọn 1 2(2,0)
Giáo dục thể chất 1(0,1)	Khí tượng 2(2,0)	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây hoa cây cảnh 3(0,3)	Môn tự chọn 2 2(2,0)
GDQP – An ninh 2(1,1)	Giống cây trồng 2(2,0)		Thực tập nghề nghiệp 3(0,3)
Tin học 2(1,1)	Bảo vệ thực vật ĐC 3(3,0)		Thực tập tốt nghiệp 6(0,6)
Tiếng Anh 4(2,2)	Kỹ thuật trồng chăm sóc cây công nghiệp 4(0,4)		

## **5. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

### **5.1. Thực hiện các môn học trong chương trình đào tạo**

- Các môn học chung bắt buộc: các khoa, bộ môn tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Chọn chuyên ngành và các môn tự chọn: Các khoa, bộ môn, CVHT-GVCN hướng dẫn HSSV chọn chuyên ngành phù hợp với bản thân, kèm theo các môn học theo hướng chuyên ngành đảm bảo đủ tối thiểu số tín chỉ quy định.
- Chọn các môn học thay thế: HSSV có thể lựa chọn các môn học thay thế quy định trong các môn học tự chọn của chương trình nhưng phải đảm bảo theo hướng chuyên ngành và có số tín chỉ không ít hơn số tín chỉ của môn học đã học;
- Thứ tự lựa chọn các môn học phải đảm bảo các môn học trước, các môn học tiên quyết quy định trong chương trình;
- Đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tối đa đối với từng trạng thái của HSSV trong thời điểm đăng ký môn học.

### **5.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia thực hành thực tập tại phòng thực hành, tại các địa điểm thực tế vào thời điểm cuối khóa và thực tập nghề nghiệp;
- Học tập chính trị đầu khoá; Học tập về Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Tham gia phong trào Thanh niên tình nguyện; Kỹ năng tìm việc làm;
- Tổ chức các diễn đàn Thanh niên lập nghiệp, Phát triển kinh tế hộ gia đình, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục sức khoẻ giới tính;
- Thời gian hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

### **5.3. Phương pháp giảng dạy**

- Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của người học, trên cơ sở phát triển vốn kiến thức, kỹ năng mà người học đã tích lũy được. Khuyến khích giảng viên áp dụng các PPGD sáng tạo phát huy năng lực của cá nhân và nhóm, cần kết hợp giữa giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà với giải đáp, truyền thụ các kiến thức mới trọng tâm trên lớp, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kiến thức mới với củng cố, hệ thống hóa kiến thức. Thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ để phát hiện, bổ sung kiến thức thiếu cho người học.
- Giảng viên cần tạo môi trường học tập phù hợp với từng loại hình bài dạy, khuyến khích người học phát huy tối đa khả năng của cá nhân, đồng thời tạo cơ hội để phát triển năng lực tổ chức và hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Giảng viên cần cụ thể việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy trong kế hoạch bài học (giáo án).
- Đầu mỗi năm học khoa, bộ môn tổ chức cho giảng viên đăng ký các PPGD sẽ áp dụng trong năm học đối với từng môn học được phân công giảng dạy. Trên cơ sở phân công của bộ môn, giảng viên đăng ký đổi mới PPGD với

bộ môn và khoa trong đó cần cụ thể thời điểm đăng ký và thực hiện cải tiến PPGD trong năm học.

#### **5.4. Hướng dẫn phương pháp đánh giá môn học**

##### **5.4.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ**

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

##### **5.4.2. Thi kết thúc môn học**

- Cuối mỗi học kỳ nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hàng năm khoa, bộ môn tổng hợp hình thức thi kết thúc môn học trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác được quy định trong chương trình chi tiết môn học;

- Nội dung thi hết môn học phải đảm bảo đánh giá người học đạt hay không đạt chuẩn đầu ra của môn học, đồng thời phân loại được người học. Giảng viên quy định rõ về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học đối với từng môn học trong đề cương môn học.

- Môn học được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm môn học đạt từ 4 trở lên theo thang điểm 10 tương ứng với điểm D theo thang điểm 4.

#### **5.5. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp**

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

- Hoàn thành môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

**5.6.** Việc cập nhật kiến thức, kỹ năng, khoa học công nghệ vào chương trình đào tạo

- Hàng năm khoa, bộ môn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở như các cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã,...tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng, nghiệm thu chương trình đào tạo.

- Giảng viên thực hiện việc cập nhật những tiên bộ của khoa học công nghệ trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khác có cùng ngành, nghề đào tạo; lựa chọn, tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực và trên thế giới.

**5.7.** Các điều kiện đảm bảo chất lượng

(có phụ lục kèm theo: Trang thiết bị, nhà giáo, danh mục GTTL)

*Phụ lục: Các điều kiện đảm bảo chất lượng tại tiểu mục 5.7, mục 5 hướng dẫn sử dụng chương trình (đính kèm chương trình đào tạo)*

## **1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

### a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01

- Số phòng thực hành: 02

### b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị đào tạo</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>DỤNG CỤ, THIẾT BỊ AN TOÀN LAO ĐỘNG</b>		
1	Bảo hộ lao động Bộ		19
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Quần bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Áo bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Áo blouse</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Mũ bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kính bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Khẩu trang</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Găng tay</i>	<i>Đôi</i>	<i>01</i>
	<i>Đép đi trong phòng thí nghiệm</i>	<i>Đôi</i>	<i>01</i>
	<i>Ủng</i>	<i>Đôi</i>	<i>01</i>
<b>II</b>	<b>DỤNG CỤ, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH</b>		
2	Bộ dao	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Dao rựa</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Dao ghép</i>	<i>Chiếc</i>	<i>19</i>
	<i>Dao cắt mẫu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>19</i>
3	Dụng cụ vệ sinh vườn	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Cưa cắt cành</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Kéo cắt cành</i>	<i>Chiếc</i>	<i>06</i>
	<i>Liềm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>09</i>
	<i>Thang</i>	<i>Chiếc</i>	<i>02</i>
4	Dụng cụ làm đất	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Cước</i>	<i>Chiếc</i>	<i>06</i>
	<i>Xẻng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>06</i>
	<i>Thuổng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
5	Dụng cụ lấy mẫu	Chiếc	06
6	Dụng cụ xúc hạt giống, phân bón	Chiếc	03
7	Thúng	Chiếc	09
8	Xô	Chiếc	09
9	Vợt	Chiếc	19
10	Khung ép mẫu	Bộ	09
11	Hộp đựng mẫu côn trùng	Chiếc	19



12	Lồng nuôi côn trùng	Chiếc	03
13	Sàng	Chiếc	03
14	Tủ trung bày	Chiếc	03
15	Bàn thực hành	Chiếc	06
16	Kệ	Chiếc	06
17	Kính quan sát	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Kính lúp</i>	<i>Chiếc</i>	<i>09</i>
	<i>Kính hiển vi quang học</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Kính hiển vi soi nổi</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
18	Cân		
	<i>Cân điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Cân phân tích</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Cân đồng hồ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
19	Bộ thước	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Thước kẹp</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Thước dây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
	<i>Thước cây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>03</i>
20	Khung điều tra dịch hại	Chiếc	19
21	Khay inox	Chiếc	06
22	Bàn thí nghiệm	Bộ	01
23	Tủ lạnh	Chiếc	02
24	Bình phun cầm tay	Chiếc	03
25	Bình phun đeo vai	Chiếc	03
26	Vợt bắt côn trùng	Chiếc	19
27	Lam kính	Hộp	01
28	Lemen	Hộp	01
29	Bộ cối, chày	Bộ	09
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Cối</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Chày</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
30	Đèn côn	Chiếc	03
31	Nhà lưới	Chiếc	03
32	Máy bơm nước	Chiếc	01
33	Bộ mẫu phân hóa học	Bộ	01
34	Máy cày	Chiếc	01
35	Máy cắt cỏ	Chiếc	01
36	Xe rùa	Chiếc	01
37	Máy phun	Chiếc	01
38	Máy đo pH cầm tay	Chiếc	19
39	Máy đo Brix	Chiếc	03
40	Bảng so màu lá cây	Chiếc	19
41	Hệ thống tưới	Hệ thống	01

42	Vườn ươm	Vườn	01
43	Vườn trồng	Vườn	05

## 2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của ngành, nghề: 9

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 3.9

c) Nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
<b>A. Các môn chung</b>					
1	Nguyễn Trọng chính	Đại học Luật	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Pháp luật
2	Trương Thị Xuân Hương	Đại học Triết học	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		GD Chính trị
3	Trần Thị Bích Hạnh	Đại học Tiếng anh	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Tiếng Anh
4	Vũ Ngọc Anh	Đại học SP GD thể chất	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Giáo dục thể chất
5	Lương Văn Sơn	Thạc sỹ GD thể chất	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Giáo dục quốc phòng – an ninh
6	Hoàng Thị Nhất	Thạc sỹ Khoa học máy tính	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Tin học
<b>B. Các môn chuyên môn</b>					
1	Phạm Thị Mơ	Kỹ sư KHCT	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- Sinh lý thực vật - Đất phân bón - giống cây trồng - Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả - Kỹ thuật trồng, chăm sóc CLT,TP
2	Sa Thị Phương	TS.BVTV	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		- BVTV đại cương - Thuốc BVTV - Động vật hại NN - Luật TT-BVTV - PPĐT TH KN - Lập KH KN
3	Vũ Thị Ngọc Ánh	Thạc sỹ trồng trọt	Chứng chỉ bồi dưỡng		- Kỹ thuật trồng, chăm sóc CCN

			NVSP		<ul style="list-style-type: none"> <li>- BQ chế biến NS</li> <li>- Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây hoa cây cảnh</li> <li>- Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dược liệu</li> </ul>
--	--	--	------	--	---

### 3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình: Trồng trọt; Trình độ đào tạo: Trung cấp; Thời gian đào tạo: 2 năm; Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THCS trở lên.

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của ngành/nghề: Trồng trọt.

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
<b>A</b>	<b>Các môn chung</b>				
1	Giáo dục chính trị	Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
2	Pháp luật	Tài liệu dạy học môn Pháp luật	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
3	Giáo dục thể chất	Tài liệu dạy học môn GDTC	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
4	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	Tài liệu dạy học môn GDQP-AN	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
5	Tin học	Tài liệu dạy học môn Tin học	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
6	Tiếng Anh	Tài liệu dạy học môn Tiếng Anh	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
<b>B</b>	<b>Các môn chuyên môn</b>				
1	Sinh lý thực vật	Giáo trình Sinh lý thực vật	Nguyễn Kim Thanh	NXB HN	2005
		Giáo trình Sinh lý thực vật	GS. Hoàng Minh Tấn	NXBĐH SP	2004
		Sinh lý thực vật ứng dụng	TS. Vũ Quang Sáng	NXB HN	2007
2	Đất phân bón	Giáo trình đất và dinh dưỡng cây trồng	Nguyễn Thế Đăng	NXB NN	2011
		Giáo trình thổ nhưỡng học	Trần Văn Chính	NN	2006
4	Giống cây trồng	Giáo trình chọn	Vũ Đình Hòa	NXB HN	2005

		giống cây trồng			
5	Bảo vệ thực vật đại cương	Giáo trình côn trùng đại cương	Nguyễn Viết Tùng	NXB NN	2006
		Giáo trình bệnh cây đại cương	Vũ Triệu Mân	NXB NN	2007
7	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây công nghiệp	Giáo trình cây công nghiệp	Đoàn Thị Thanh Nhân	NXB NN	1996
9	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả	Giáo trình kỹ thuật trồng cây ăn quả	Phạm Văn Duệ	NXB NN	2005
11	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây lương thực, thực phẩm	Giáo trình kỹ thuật trồng cây màu.	Nguyễn Thế Hùng	NXB Hà Nội	2005
		Giáo trình kỹ thuật trồng rau	Tạ Thu Cúc	NXB HN	2005
12	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây hoa, cây cảnh	Giáo trình kỹ thuật trồng hoa cây cảnh	Phạm Văn Duệ	NXB HN	2005
13	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dược liệu	Kỹ thuật trồng một số cây dược liệu	Chu Thị Thơm, Phan Thị Lài, Nguyễn Văn Tó	NXBLĐ	2006
14	Thuốc bảo vệ thực vật	Giáo trình sử dụng thuốc BVTV	Nguyễn Trần Oánh, Nguyễn Văn Viên, Bùi Trọng Thủy	NXB NN	2007
15	Động vật hại nông nghiệp	Giáo trình động vật hại nông nghiệp	Nguyễn Văn Đĩnh	NXB NN	2005
16	Bảo quản chế biến nông sản	Giáo trình bảo quản nông sản	Nguyễn Mạnh Khải	NXB GD	2006
17	Luật TT-BVTV	Luật trồng trọt	Quốc hội	NXB Chính trị Quốc gia sự thật	2020
18	Phương pháp đào tạo tập huấn khuyến nông	Giáo trình khuyến nông	Nguyễn Văn Long	NN	2006
19	Lập kế hoạch khuyến nông	Giáo trình khuyến nông	Nguyễn Văn Long	NN	2006

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC  
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
NGÀNH, NGHỀ: TRỒNG TRỌT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

**1. Giới thiệu chung về ngành, nghề**

- Trồng trọt trình độ trung cấp là ngành, nghề thực hiện các công việc kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Các công việc của nghề chủ yếu là: Trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch, sơ bảo quản cây trồng nông nghiệp, tổ chức và thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất chất lượng và đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn;

- Để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cần phải đảm bảo các điều kiện làm việc thiết yếu như: Cơ sở vật chất, thiết bị....;

- Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng, năng lực chuyên môn, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề;

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 1410 giờ (tương đương 55 tín chỉ).

**2. Kiến thức**

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về: Sinh lý thực vật, Đất phân bón, Giống cây trồng và mối liên hệ giữa cây trồng với các môn học khác có liên quan;

- Trình bày được kiến thức cơ bản về phân loại, đặc điểm thực vật học và yêu cầu sinh thái của các loại cây trồng nông nghiệp như: Cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực, thực phẩm, cây hoa và cây cảnh,....;

- Trình bày được kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây trồng phổ biến quan trọng như: Cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực, thực phẩm, cây hoa và cây cảnh,....;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về côn trùng, bệnh cây và các loại sâu bệnh hại phổ biến quan trọng trên cây trồng.

**3. Về kỹ năng**

- Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Thực hiện thành thạo các thao tác làm đất, lên luống, trồng và chăm sóc cây trồng nông nghiệp;
- Thực hiện thành thạo các thao tác xử lý hạt giống, gieo ươm, giâm cành, chiết, ghép cây;
- Biết cách nhận biết triệu chứng sâu bệnh hại cây trồng và áp dụng biện pháp phòng trừ;
- Biết sử dụng thuốc đúng loại, đúng qui cách và sử dụng phun thuốc phòng chống sâu bệnh cho cây trồng;
- Chân đoán sâu bệnh gây hại và triệu chứng thừa/thiếu dinh dưỡng cây trồng.

#### **4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có phẩm chất đạo đức, tôn trọng pháp luật, ý thức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong công việc, thái độ làm việc tốt;
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, sáng tạo, luôn cập nhật kiến thức chung cũng như chuyên môn để phù hợp với thực tế sản xuất, xã hội hiện đại;
- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường. Ngoài ra còn có khả năng học tập nâng cao trình độ lên các bậc học cao hơn khi tốt nghiệp.

#### **5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Cán bộ trung tâm dịch vụ NN, xã;
- Xây dựng mô hình chuyển giao khoa học công nghệ;
- Công nhân tại các doanh nghiệp, HTX, trang trại...;
- Tự tạo việc làm.

#### **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Trồng trọt trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

#### **7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo**

- Chuyên ngành trồng trọt - Trường trung cấp Thăng Long.